

B NG ãI M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 35CXD1 N h c : 2012-2013 ã VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)
H ãT : H c ph n : 1230671007-802 - Quy ho ch tuy n t n h H c km : HK03

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñI M THÌ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ñI M THI	QUY TS : 70.00%	ñI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3575010796	35CXD1	Nguy n Qu c An	10/03/1993				5.0			5.0	1.5	5.0	3.5	5.0	
2	3571010342	35CCĐ4	Phan V ã	05/09/1993				1.5			1.5	0.5	0.0	0.0	0.5	CT
3	3475010001	34CXD6	Ho ãng L ãng	26/10/1991				7.3			7.3	2.2	5.0	3.5	5.7	
4	3574010525	35COT2	L ² Qu c B o	14/06/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
5	3471010017	34CLC-CD	Ph m V ã	23/09/1992				3.0			3.0	0.9	5.0	3.5	4.4	
6	3571010593	35CCĐ5	ñ ã Quang	01/05/1993				7.5			7.5	2.3	5.5	3.9	6.1	
7	3475010019	34CXD6	Tr n Nguy ² n B u	12/06/1991				5.5			5.5	1.7	3.5	2.5	4.1	
8	3575031540	35CNVL1	Nguy n C ãng C m	26/04/1993				4.0			4.0	1.2	4.5	3.2	4.4	
9	3471010062	34CCD1	Nguy n ã ãnh D ã	03/09/1992				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
10	3475010052	34CXD2	V H ãi n ã am	24/03/1991				4.5			4.5	1.4	5.0	3.5	4.9	
11	3571011711	35CCĐ7	D ãng H i ã ãng	07/10/1993				4.0			4.0	1.2	6.0	4.2	5.4	
12	3575010070	35CXD1	Phan H i ã ãng	03/05/1992				7.5			7.5	2.3	6.5	4.6	6.8	
13	3471010088	34CCD4	Cao Thanh ã i n	16/05/1992				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
14	3575031694	35CNVL1	Tr ãng Th ãnh ã »	15/03/1993				4.0			4.0	1.2	4.5	3.2	4.4	
15	3471010092	34CCD3	Lê Phú ã ãng	23/06/1992				5.0			5.0	1.5	7.0	4.9	6.4	
16	3571011802	35CCĐ4	Ho ãng Tr ãng ã c	14/10/1992				3.0			3.0	0.9	5.0	3.5	4.4	
17	3474010015	34COT2	Tr n ã c ã c	30/10/1992				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
18	3575010529	35CXD4	ñ ãng C ãng Hà	11/01/1992				6.0			6.0	1.8	7.0	4.9	6.7	
19	3575011216	35CXD4	ñ ã Trung Hi u	03/07/1993				5.0			5.0	1.5	8.5	6.0	7.5	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 35CXD1 N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 1230671007-802 - Quy ho ch tuy n ấ nh H c km : HK03

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N		NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3571010199	35CCĐ4	Vồ Minh	Hĩ u	20/08/1992				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
21	3571010025	35CCĐ2	L ² Kh c	Hoàng	04/12/1993				7.5			7.5	2.3	4.5	3.2	5.4	THI CHUNG (1)
22	3574011122	35COT1	Lê Xuân	Hoàng	04/04/1993				7.5			7.5	2.3	4.8	3.4	5.6	
23	3575010177	35CXD3	Tr ấ ng Xu ấ n	Hoàng	10/10/1991				6.0			6.0	1.8	0.0	0.0	1.8	CT
24	3471010136	34CCD5	D ấ ng Ng c	Hòa	30/01/1992				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
25	3575031710	35CNVL1	L ² Th Nh	H ấ ng	15/10/1993				6.5			6.5	2.0	5.5	3.9	5.8	
26	3575010830	35CXD1	B ấ i V ấ	Huy	26/11/1993				3.0			3.0	0.9	4.0	2.8	3.7	
27	3471010145	34CCD4	L ² V ấ	Hùng	10/09/1992				2.5			2.5	0.8	5.5	3.9	4.6	
28	3571011756	35CLC1-CĐ	B ấ i Tr ấ ng	H u	24/07/1993				7.0			7.0	2.1	7.5	5.3	7.4	
29	3575010570	35CXD5	Nguy n ấ nh	Khoa	04/07/1993				3.5			3.5	1.1	1.0	0.7	1.8	
30	3571010218	35CCĐ2	Tr n Anh	Khoa	09/08/1993				9.5			9.5	2.9	7.8	5.5	8.3	
31	3474010030	34COT1	ấ inh C ấ ng	Linh	24/07/1992				1.5			1.5	0.5	3.0	2.1	2.6	
32	3575010119	35CXD3	Lê Chí	Linh	24/05/1993				5.0			5.0	1.5	4.0	2.8	4.3	
33	3571010036	35CLC1-CĐ	Ho ấ ng B o	Long	14/08/1993				2.5			2.5	0.8	5.0	3.5	4.3	
34	3575010970	35CXD5	Nguy n Th ấ nh	Long	03/06/1993				5.0			5.0	1.5	0.5	0.4	1.9	
35	3475010139	34CXD2	Nguy n Minh	L i	28/10/1991				2.5			2.5	0.8	4.0	2.8	3.6	
36	3471010209	34CCD3	ấ o ấ Ng c	Minh	06/09/1992				5.0			5.0	1.5	4.8	3.4	4.9	
37	3574010719	35COT2	Tr n Qu c	Nam	17/05/1993				6.5			6.5	2.0	8.0	5.6	7.6	

B NG ã I M H C PH N - MĐN TH Ì NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 35CXD1 N h c : 2012-2013 ã VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ã T : H c ph n : 1230671007-802 - Quy ho ch tuy n t ñnh H c km : HK03

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N		NGÀY SINH	ñ I M TH Ì NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ñ I M THI	QUY TS : 70.00%	ñ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
38	3474010040	34COT1	ñ o ã Hi u	Ngh ã	09/10/1992				4.5			4.5	1.4	2.8	2.0	3.3	
39	3471010225	34CCD4	Châu Minh	Ng c	05/12/1992				5.0			5.0	1.5	1.0	0.7	2.2	
40	3475010180	34CLC-DD1	Nguy n Th ãnh	Nhân	24/08/1992				8.0			8.0	2.4	4.5	3.2	5.6	
41	3574010419	35COT2	Giang ã t	Phiêu	20/04/1993				6.0			6.0	1.8	7.8	5.5	7.3	
42	3571011184	35CCĐ5	L ² H ng	Phong	20/09/1993				10.0			10.0	3.0	8.0	5.6	8.6	
43	3571011026	35CCĐ5	Nguy n Thanh	Phong	06/08/1993				2.0			2.0	0.6	7.0	4.9	5.5	
44	3471010252	34CLC-CD	Tr nh V ãnh Ho ãng	Phúc	14/10/1992				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
45	3471010254	34CLC-CD	Nguy n Ng c	Ph ng	07/09/1990				5.0			5.0	1.5	3.5	2.5	4.0	
46	3574010174	35COT2	L ² Ng c	Sang	19/03/1993				6.0			6.0	1.8	8.0	5.6	7.4	
47	3574010518	35COT2	Nguy n Phan T n	Tài	26/12/1993				7.5			7.5	2.3	7.3	5.1	7.4	
48	3571010696	35CLC1-CĐ	Ng ã V ã Minh	Tân	08/04/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
49	3471010338	34CCD3	Nguy n Minh	Ti n	09/02/1992				8.0			8.0	2.4	8.0	5.6	8.0	
50	3475010291	34CXD2	Ph m V ã	Ti p	02/02/1991				4.0			4.0	1.2	2.5	1.8	3.0	
51	3471010342	34CCD2	Phan V ã	Toàn	02/08/1992				7.5			7.5	2.3	6.3	4.4	6.7	
52	3474010083	34COT1	ñ Kh c	Tu n	29/05/1992				5.5			5.5	1.7	7.5	5.3	6.9	
53	3471010371	34CCD3	Nguy n Thanh	Tu n	10/07/1991				0.0			0.0	0.0	8.0	5.6	5.6	
54	3574010367	35COT2	Nguy n Thanh	Tùng	01/10/1993				7.5			7.5	2.3	4.8	3.4	5.6	
55	3571010332	35CCĐ4	Tr n Thanh B °	Thanh	00/00/1993				6.5			6.5	2.0	6.0	4.2	6.2	
56	3575010772	35CXD1	Tr nh Xu ã n	Thành	08/04/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT

B NG ã I M H C PH N - MĐN TH Ì NH PH N

Kh ¹ a h c : L p h c : 35CXD1 Nñ h c : 2012-2013 ã VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)
H ã T : H c ph n : 1230671007-802 - Quy ho ch tuy n t ñnh H c km : HK03

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N		NGÀY SINH	ñ I M TH Ì NH PH N						TBC	QUY TS : 30.00%	ñ I M THI	QUY TS : 70.00%	ñ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
57	3574011086	35COT1	Nguy n Qu c	Thi n	22/08/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
58	3475010272	34CXD4	Ph m Ng c	Thi n	01/03/1991				4.5			4.5	1.4	1.5	1.1	2.4	
59	3574011299	35COT1	Nguy n ã c	Th nh	07/01/1993				2.0			2.0	0.6	0.0	0.0	0.6	
60	3471010331	34CCD2	Nguy n V ñ	Th i	26/02/1992				10.0			10.0	3.0	7.5	5.3	8.3	
61	3574011708	35COT2	Tr nh ã nh	Th ng	03/02/1992				6.5			6.5	2.0	4.5	3.2	5.1	
62	3575010147	35CXD3	Nguy n Ho ãng Ph ng	Trình	20/08/1993				10.0			10.0	3.0	9.5	6.7	9.7	
63	3571010659	35CCĐ1	Lê Minh	V ng	10/04/1992				4.5			4.5	1.4	5.0	3.5	4.9	THI CHUNG (1)

T ng s : 63 h c sinh sinh vĩ² n
Tr ng Khoa
Gi o Vĩ² n B M»n
Tp.HCM, ngày / /
Gi o V Khoa